

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 12 - 2019
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhàn,

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ba,
2. Ông Đỗ Cao Thế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Mỹ Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Đức, Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 12 năm 2019, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 110/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn Á, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Ngô Đình H, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn Á, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 04 tháng 9 năm 2019, được bổ sung tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày: Chị và anh Ngô Đình H tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào năm 2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với bố mẹ anh H tại thôn Á, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường xuyên nhậu nhẹt, bê tha không có trách nhiệm với gia

đình, vợ con, nhiều lần Chị góp ý thì anh H gây gổ rồi đánh đập Chị. Chị đã thuê nhà ra ở riêng từ tháng 9/2019 đến nay, hai người sống ly thân không ai quan tâm ai. Hiện nay, Chị xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng Chị có 01 con chung tên là Ngô Đình Minh H, sinh ngày 12-12-2016, con đang sống với Chị. Sau khi ly hôn, Chị có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 08 tháng 11 năm 2019, bị đơn anh Ngô Đình H trình bày: Anh nhất trí về quá trình tìm hiểu, kết hôn và chung sống như chị N trình bày. Vợ chồng kết hôn vào năm 2016, tại UBND xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ Anh ở thôn Á, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc từ khi cưới đến nay, còn lý do vì sao chị N xin ly hôn thì Anh không biết. Anh H xét thấy tình cảm vợ chồng đang còn, chị N xin ly hôn là quyền của Chị, còn Anh không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải, vận động để vợ chồng đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con chung.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Ngô Đình Minh H, sinh ngày 12-12-2016, con đang sống với chị N. Sau khi ly hôn, Anh có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện từ thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng quy định tại các điều 39, 48, 49, 68, 93, 95, 96, 97, 195, 196, 203, 204, 208, 209, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53, 54 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đương sự chấp hành pháp luật đúng quy định tại các điều 68, 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh H; về con chung: Áp dụng các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình xử giao con cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; về tài sản chung: Không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, bị đơn cư trú tại thôn Á, xã Vh, huyện Q, căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Ngô Đình H lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, như vậy hôn nhân của Anh Chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, do anh H hay nhậu nhẹt, bê tha, thiếu quan tâm đến vợ con, nhiều lần gây gổ, đánh đập chị N, mặc dù chị N đã góp ý, cho anh H nhiều cơ hội để thay đổi nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không cải thiện. Tại phiên tòa, chị N khẳng định, nếu Tòa án xét xử bác đơn xin ly hôn của Chị thì Chị vẫn không về sống chung với anh H. Còn anh H cho rằng, vợ chồng không có mâu thuẫn gì, Anh đang còn tình cảm với chị N, chị N xin ly hôn Anh không đồng ý. Tuy nhiên, nhiều lần Tòa án triệu tập anh H không có mặt; ngày 11/11/2019, Tòa án đã tiến hành phiên hòa giải, anh H đã tự ý bỏ về không làm việc, điều đó chứng tỏ yêu cầu đoàn tụ của anh H không có cơ sở để chấp nhận, anh H chỉ muốn kéo dài thời gian, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[3] Về nuôi con chung: Chị Phạm Thị N và anh Ngô Đình H thống nhất có 01 con chung tên là Ngô Đình Minh H, sinh ngày 12-12-2016. Chị N, anh H đều có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con, thể hiện trách nhiệm của bố mẹ đối với con cái. Xét thấy, cháu H hiện đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc, gần gũi của mẹ hơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của chị N.

[4] Về chia tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Ngô Đình H.

2. Về nuôi con chung: Áp dụng các điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử giao cháu Ngô Đình Minh H, sinh ngày 12-12-2016 cho chị Phạm Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ tháng 01/2020 cho đến khi cháu H trưởng thành (tròn 18 tuổi). Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án huyện Quảng Ninh theo biên lai số AA/2017/0004823, ngày 19 tháng 9 năm 2019.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã V;
- Lưu VP, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA